

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 5 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Ông Đỗ Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1980; căn cước công dân số 027180086xxx; có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Phường L, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tòa nhà A, ngõ 7x Duy Tân, phường Cầu G, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Cao S, sinh năm 1976; căn cước công dân số 001076066xxx; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Yên S x, xã Dương H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn Yên S x, xã Dương H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Cao S kết hôn năm 2013 tại UBND xã Yên S, huyện Hoài Đ (nay là xã Dương H), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, bà và ông S được tự do tìm hiểu nhau khoảng gần 1 năm. Sau khi

kết hôn, bà và ông S thuê nhà sinh sống trên địa bàn xã An K, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S mãi chơi không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ năm 2022. Năm 2024, bà và ông S đều có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết, bà và ông S đã rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Ông S hiện sinh sống ở đâu thì bà không biết nhưng ông S vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã Dương H, thành phố Hà Nội, còn bà thuê nhà ở riêng tại phường Cầu G, thành phố Hà Nội. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn ông S.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 01 con chung là: Anh Nguyễn Cao L, sinh ngày 06/9/2015. Hiện tại, anh L đang sinh sống cùng bà kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Ly hôn bà M xin nuôi anh L và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi anh L 4.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, bà M làm nhân viên Văn phòng Công ty Wings Global thu nhập bình quân hàng tháng 15.000.000 đồng còn ông S hiện làm nghề gì và thu nhập cụ thể thế nào bà không biết.

Về phần tài sản chung, nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Cao S được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành các thủ tục tố tụng với ông S.

Tại phiên tòa:

Bà M trình bày: Trước khi ông S kết hôn với bà, ông S đã ly hôn vợ, theo quyết định của Tòa án thì ông S phải nuôi dưỡng 01 con chung. Ông S làm nghề tự do thu nhập thế nào bà không rõ. Bà và ông S đã sống ly thân nhau từ lâu nên bà cương quyết xin ly hôn ông S và giữ nguyên quan điểm về nuôi con, tài sản chung và nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà M, ông S trầm trọng từ giữa năm 2018, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022, đến năm 2024 bà M và ông S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sau đó rút đơn nhưng vợ chồng không đoàn tụ được, vợ chồng sống ly thân đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị M, cho bà M được ly hôn với ông Nguyễn Cao S. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao anh Nguyễn Cao L, sinh ngày 06/9/2015 cho bà M nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi anh L 2.000.000 đồng/tháng. Bà M xác định không có tài sản chung, nợ và công sức đóng góp nên không phải xem xét giải quyết. Bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông S phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Bà M, ông S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị M khởi kiện ông Nguyễn Cao S có địa chỉ: Thôn Yên S x, xã Dương H, thành phố Hà Nội về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Qua xác minh tại Công an xã Dương Hòa cũng như bố mẹ của ông S thể hiện: Ông S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Yên S x, xã Dương H, thành phố Hà Nội, ông S chưa chuyển khẩu và cũng không đăng ký tạm trú tại địa chỉ nào khác. Hiện tại ông S không có đất nhà ở thôn Yên S x mà ông S về ở cùng bố mẹ đẻ ông S tại thôn Yên S x, xã Dương H, thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến việc bà M khởi kiện xin ly hôn ông S tại nơi cư trú đồng thời tổng đạt qua người người thân cùng địa chỉ cư trú với ông S. Tuy nhiên, ông S đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Đặng Thị M xin ly hôn ông Nguyễn Cao S.

Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Cao S đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Yên S, huyện Hoài Đ (nay là xã Dương H), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Theo bà M, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Năm 2024, bà M và ông S gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó rút đơn nên Tòa án đã đình chỉ xét đơn yêu cầu của bà M và ông S; mặt khác, ông S đã được tổng đạt văn bản tố tụng về việc bà M xin ly hôn ông S nhưng ông S không có văn bản nêu ý kiến cũng như ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng bà M và ông S đã đến mức độ trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà M, cho bà M được ly hôn với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của bà M xin được nuôi anh Nguyễn Cao L.

Bà M xác định bà và ông Nguyễn Cao S có 01 con chung là anh Nguyễn Cao L, sinh ngày 06/9/2015. Bà M có nguyện vọng nuôi anh L, bản thân anh L đang sinh sống cùng bà M có nguyện vọng được ở cùng bà M. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên giao anh L cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà M yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi anh L 4.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, bà M là nhân viên Văn phòng thu nhập bình quân hàng tháng 15.000.000 đồng, đang phải thuê nhà. Bà M cung cấp thông tin ông S làm nghề tự do. Qua xác minh tại

địa phương thể hiện: Ông S trước khi kết hôn với bà M đã ly hôn vợ và ông S phải nuôi 01 con riêng, mức thu nhập bình quân của 01 lao động tự do tại địa phương khoảng từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Do vậy, để đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu và điều kiện của người cấp dưỡng buộc ông S cấp dưỡng nuôi anh L với bà M 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi anh L trưởng thành hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[4] Về tài sản chung, nợ: Bà M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Cao S phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Cao S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M. Cho bà Đặng Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Cao S.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Cao S có 01 con chung là anh Nguyễn Cao L, sinh ngày 06/9/2015. Giao anh Nguyễn Cao L cho bà M nuôi dưỡng đến khi anh L đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông S phải cấp dưỡng nuôi anh L 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi anh L đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003458 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Cao S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Cao S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội;
- THAD thành phố Hà Nội;
- UBND xã Dương H, TP. Hà Nội,
(Số 81, đăng ký ngày 04/12/2013
tại UBND xã Yên S);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu

